

CÔNG TY CỔ PHẦN CÒN RƯỢU HÀ NỘI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



CÔNG TY CỔ PHẦN CÒN RƯỢU HÀ NỘI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN CÒN RƯỢU HÀ NỘI

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận Đăng ký

Doanh nghiệp Số 0103014424 ngày 06 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được sửa đổi gần nhất (lần thứ 9) vào ngày 11 tháng 9 năm 2017.

Tại ngày ký báo cáo tài chính riêng này

Hội đồng Quản trị	Ông Mai Văn Lợi	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 3 tháng 7 năm 2017)
	Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 3 tháng 7 năm 2017)
	Ông Trần Hậu Cường	Thành viên
	Ông Shivam Misra	Thành viên
	Ông Lê Việt Dũng	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Trần Văn Trung	Thành viên
	Bà Phạm Thị Lan Anh	Trưởng ban
	Ông Alvaro Andres Cardenas Munoz	Thành viên
	Ông Nguyễn Như Khuê	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2017)
	Bà Vương Tố Uyên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2017)
Ban Giám đốc	Ông Trần Hậu Cường	Phó Giám đốc phụ trách
	Ông Đỗ Xuân Long	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017)
	Bà Nguyễn Thị Tư	Phó Giám đốc
	Ông Vũ Bá Định	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2017 và miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017)
Người đại diện theo Pháp luật	Ông Trần Đình Thanh	
	Ông Xavier Michel Joseph Codron	
Trụ sở chính	Số 94 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
Công ty Kiểm toán	Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	

CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội ("Công ty"), được ủy quyền bởi Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 730/NQ-HĐQT ngày 25/08/2016, chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 34. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và công ty con.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Hậu Cường
Phó Giám đốc phụ trách
Chữ ký được ủy quyền

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 21 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÒN RƯỢU HÀ NỘI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Còn Rượu Hà Nội (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 21 tháng 03 năm 2018. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.14 của báo cáo tài chính riêng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không ghi nhận dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động với số tiền là 5.024.818.750 đồng Việt Nam do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác mà báo cáo của họ ký ngày 20 tháng 6 năm 2017 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Nguyễn Phi Lan
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0573-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Hoàng Tuấn Linh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3485-2017-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1909
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2018

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÓN RƯỢU HÀ NỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2017	2016
			VND	VND
			(Thuyết minh 3)	(Thuyết minh 3)
			Điều chỉnh hồi tố	Điều chỉnh hồi tố
			2016	2016
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		376.741.863.809	465.780.741.875
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	79.829.528.159	21.751.065.737
111	Tiền		6.829.528.159	21.751.065.737
112	Các khoản tương đương tiền		73.000.000.000	-
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	60.000.000.000	167.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		60.000.000.000	167.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		31.333.116.303	87.657.210.843
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6(a)	22.409.231.409	75.064.783.966
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.190.712.658	5.230.816.795
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	7.971.974.687	8.063.840.114
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6(b)	(3.238.802.451)	(702.230.032)
140	Hàng tồn kho	8	193.301.445.513	171.431.809.260
141	Hàng tồn kho		193.301.445.513	171.431.809.260
150	Tài sản ngắn hạn khác		12.277.773.834	17.940.656.035
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	1.153.144.181	562.329.811
152	Thuế GTGT được khấu trừ	14(a)	413.448.311	279.491.524
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14(a)	10.711.181.342	17.098.834.700
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		281.555.991.541	330.487.402.169
220	Tài sản cố định		237.221.238.406	279.492.403.953
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	224.218.038.406	266.489.203.953
222	Nguyên giá		742.901.211.264	745.124.880.476
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(518.683.172.858)	(478.635.676.523)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	13.003.200.000	13.003.200.000
228	Nguyên giá		13.345.079.600	13.244.079.600
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(341.879.600)	(240.879.600)
230	Bất động sản đầu tư	11	-	18.381.843.222
231	Nguyên giá		-	23.259.481.464
232	Giá trị khấu hao lũy kế		-	(4.877.638.242)
240	Tài sản dở dang dài hạn	12	7.436.402.962	7.802.322.779
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		7.436.402.962	7.802.322.779
250	Đầu tư tài chính dài hạn	13	-	3.294.007.184
251	Đầu tư vào công ty con		-	10.000.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(6.705.992.816)
260	Tài sản dài hạn khác		36.898.350.173	21.516.825.031
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	36.898.350.173	21.516.825.031
270	TỔNG TÀI SẢN		658.297.855.350	796.268.144.044

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017	2016
			VND	Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 3) VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		98.605.288.465	153.483.980.998
310	Nợ ngắn hạn		98.179.340.215	153.149.578.538
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	4.964.371.814	24.798.261.238
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.689.524.614	5.631.606.102
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	15(b)	80.045.266.466	103.118.080.338
314	Phải trả người lao động		2.718.174.409	5.005.296.705
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	5.257.452.513	11.583.211.094
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		6.000.000	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	17	2.355.259.105	2.323.310.542
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.143.291.294	689.812.519
330	Nợ dài hạn		425.948.250	334.402.460
337	Phải trả dài hạn khác		425.948.250	334.402.460
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		559.692.566.885	642.784.163.046
410	Vốn chủ sở hữu		558.629.401.135	642.157.369.296
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18,19	200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	12.920.000	12.920.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	19	613.480.582.279	612.480.582.279
421	Lỗi sau thuế lũy kế	19	(254.864.101.144)	(170.336.132.983)
421a	- Lỗi sau thuế lũy kế của các năm trước		(170.336.132.983)	(150.153.793.761)
421b	- Lỗi sau thuế của năm nay		(84.527.968.161)	(20.182.339.222)
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		1.063.165.750	626.793.750
431	Nguồn kinh phí	20	1.063.165.750	626.793.750
440	TỔNG NGUỒN VỐN		658.297.855.350	796.268.144.044



Đỗ Thành Luân
Người lập



Nguyễn Như Khuê
Kế toán trưởng



Trần Hậu Cường
Phó Giám đốc phụ trách
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 21 tháng 03 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	126.427.200.481	273.251.913.449
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(996.514.466)	(2.988.590.700)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.430.686.015	270.263.322.749
11	Giá vốn hàng bán	(110.593.129.182)	(203.164.635.658)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.837.556.833	67.098.687.091
21	Doanh thu hoạt động tài chính	8.035.330.265	10.758.415.245
22	Chi phí tài chính	(28.063.652)	(5.947.847.967)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(6.017.944)	(128.068.238)
25	Chi phí bán hàng	(69.027.905.723)	(60.526.882.985)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(38.659.246.235)	(32.454.173.742)
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(84.842.328.512)	(21.071.802.358)
31	Thu nhập khác	3.613.420.111	1.310.129.545
32	Chi phí khác	(3.299.059.760)	(420.666.409)
40	Lợi nhuận khác	314.360.351	889.463.136
50	Lỗ kế toán trước thuế	(84.527.968.161)	(20.182.339.222)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lỗ sau thuế TNDN	(84.527.968.161)	(20.182.339.222)

Đỗ Thành Luân
Người lập

Nguyễn Như Khuê
Kế toán trưởng



Trần Hậu Cường
Phó Giám đốc phụ trách
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 21 tháng 03 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lỗ trước thuế	(84.527.968.161)	(20.182.339.222)
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	42.870.282.065	65.173.623.702
03	Các khoản dự phòng	2.536.572.419	5.473.757.696
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.404.218)	(38.072.194)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(11.507.680.715)	(10.332.436.036)
06	Chi phí lãi vay	6.017.944	128.068.238
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(50.624.180.666)	40.222.602.184
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	64.365.354.751	(27.129.149.517)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(21.869.636.253)	6.275.297.564
11	Giảm các khoản phải trả	(54.904.136.883)	(6.937.073.124)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	2.409.503.710	(1.674.684.298)
14	Tiền lãi vay đã trả	(6.017.944)	(128.068.238)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(5.981.383.757)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	960.000.000	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(523.628.000)	(4.610.511.612)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(60.192.741.285)	37.029.202
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(207.535.089)	(10.385.581.021)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.467.000.000	391.000.000
23	Chi tiền gửi có kỳ hạn	(50.000.000.000)	(299.679.391.256)
24	Thu tiền gửi có kỳ hạn	157.000.000.000	249.679.391.256
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	8.010.551.840	13.312.281.036
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	118.270.016.751	(46.682.299.985)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Thu từ vay thấu chi	5.445.000.000	66.934.176.097
34	Chi trả nợ gốc vay thấu chi	(5.445.000.000)	(66.934.176.097)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	58.077.275.466	(46.645.270.783)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4 21.751.065.737	68.394.759.438
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.186.956	1.577.082
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4 79.829.528.159	21.751.065.737

Đỗ Thành Luân
Người lập

Nguyễn Như Khuê
Kế toán trưởng



Trần Hậu Cường
Phó Giám đốc phụ trách
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 21 tháng 03 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp số 0103014424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất (lần thứ 9) ngày 11 tháng 9 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại đồ uống có cồn và không có cồn như bia, rượu, nước giải khát và các thiết bị vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất rượu, cồn và các mặt hàng tiêu dùng, công nghệ, thực phẩm.

Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ của công ty con là Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Rượu Hà Nội.

Theo Quyết định số 248/HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 1 tháng 4 năm 2016, Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội, công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty, quyết định giải thể và sáp nhập công ty con này thành một bộ phận của công ty mẹ. Hợp đồng sáp nhập được ký ngày 28 tháng 4 năm 2016. Công ty con đã thông báo đến cơ quan thuế và đăng ký kinh doanh về việc đóng mã số thuế và dừng hoạt động vào ngày 13/5/2016.

Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông số 574/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 thông qua việc Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội dừng triển khai việc sáp nhập này.

Nghị quyết số 827/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội, thông qua việc không triển khai hoạt động và tiến hành thủ tục giải thể công ty con này.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 377 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 390 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty và công ty con. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, công ty con là những công ty mà Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất và công ty con của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp nếu ngắn hơn. Các thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc thiết bị	7 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị quản lý	5 – 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.12 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.13 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.14 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc. Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Công ty không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 và Công văn 3016/TCT-CS do Tổng cục Thuế ban hành ngày 5 tháng 7 năm 2016. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần phải lập là 5.024.818.750 đồng Việt Nam (31.12.2016: 5.024.818.750 đồng Việt Nam).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ dự phòng tài chính

Công ty không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính. Số dư của Quỹ dự phòng tài chính được chuyển vào Quỹ đầu tư phát triển.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, chủ yếu bao gồm lương nhân viên và các chi phí liên quan khác của bộ phận bán hàng, chi phí hỗ trợ điểm bán và khấu hao.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Sau khi phát hành báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước số 324/TB-KTNN ngày 9 tháng 2 năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước, Ban Giám đốc đã thực hiện điều chỉnh hồi tố một số khoản mục trên báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**
3 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (TIẾP THEO)**Bảng cân đối kế toán riêng (trích dẫn)**

Mã số	Khoản mục	Tại ngày 31.12.2016 (Số trước điều chỉnh) VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Tại ngày 31.12.2016 (Sau điều chỉnh) VND
Nợ ngắn hạn				
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	40.950.909.658	62.167.170.680	103.118.080.338
Vốn chủ sở hữu				
421	Lỗi sau thuế lũy kế	(108.168.962.303)	(62.167.170.680)	(170.336.132.983)
421a	Lỗi sau thuế lũy kế của các năm trước	(87.986.623.081)	(62.167.170.680)	(150.153.793.761)

Điều chỉnh hồi tố này liên quan đến khoản thuế tiêu thụ đặc biệt Công ty phải nộp bổ sung cho giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2011 theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước trong báo cáo số 324/TB-KTNN ngày 9/2/2018.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2017 VND	2016 VND
Tiền mặt	621.047.233	793.840.556
Tiền gửi ngân hàng	6.208.480.926	20.957.225.181
Các khoản tương đương tiền (*)	73.000.000.000	-
	<u>79.829.528.159</u>	<u>21.751.065.737</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng Đồng Việt Nam và có thời gian đáo hạn ban đầu là từ 1 đến 3 tháng. Lãi suất của các khoản tiền gửi có kỳ hạn này là 4,8% đến 5,5% một năm.

5 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>60.000.000.000</u>	<u>60.000.000.000</u>	<u>167.000.000.000</u>	<u>167.000.000.000</u>

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng Đồng Việt Nam và có thời gian đáo hạn ban đầu là từ 6 đến 13 tháng. Lãi suất của các khoản tiền gửi có kỳ hạn này là 6,3% đến 6,8% một năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba	22.409.231.409	71.561.687.134
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Đầu tư DLTM & Vận tải Thanh Sơn	2.465.918.261	3.999.732.264
- Công ty TNHH Đại Việt	2.861.967.372	6.329.992.917
- Công ty CP TM & DV TH Đức Thành	3.746.952.773	4.469.860.274
- Công ty TNHH MTV Hiền Dũng My	3.755.842.990	7.800.089.704
- Công ty TNHH TM TH Cát Linh	3.689.970.951	7.999.737.218
- Bên thứ ba khác	5.888.579.062	40.962.274.757
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	-	3.503.096.832
	<u>22.409.231.409</u>	<u>75.064.783.966</u>

(b) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Tại 31/12/2017 và 31/12/2016, các khoản phải thu khách hàng sau đây đã được lập dự phòng phải thu khó đòi:

	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
31.12.2017			
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Phát triển Giáo dục Linh Anh	210.000.000	-	210.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Lê Thị Hải	309.413.952	-	309.413.952
- Công ty Cổ phần Nghe nhìn Thăng Long	1.205.952.000	602.976.000	602.976.000
- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Quang Anh (*)	2.116.412.499	-	2.116.412.499
	<u>3.841.778.451</u>	<u>602.976.000</u>	<u>3.238.802.451</u>
31.12.2016			
- Công ty TNHH Ruldoph	392.816.080	-	392.816.080
- Doanh nghiệp tư nhân Lê Thị Hải	309.413.952	-	309.413.952
	<u>702.230.032</u>	<u>-</u>	<u>702.230.032</u>

(*) Trong năm, khoản phải thu 2.116.412.499 Đồng Việt Nam từ công ty cổ phần sản xuất thương mại XNK Quang Anh và 100% dự phòng tương ứng đã được chuyển từ công ty con (công ty TNHH MTV Rượu Hà Nội) sang Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

(b) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (tiếp theo)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	702.230.032	702.230.032
Tăng dự phòng	812.976.000	-
Hoàn nhập dự phòng	(392.816.080)	-
Chuyển từ công ty con do sáp nhập	2.116.412.499	-
	<u>3.238.802.451</u>	<u>702.230.032</u>

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi dự thu	1.878.180.555	1.595.460.400
Chi phí xử lý hàng tồn kho chậm luân chuyển (*)	4.716.649.139	2.510.415.479
Phải thu từ nhà thầu theo kết quả kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước (**)	929.840.793	1.667.137.288
Tạm ứng cho người lao động	445.132.200	684.797.805
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	4.500.000
Bảo hiểm nộp thừa	-	1.030.212.517
Phải thu khác	2.172.000	571.316.625
	<u>7.971.974.687</u>	<u>8.063.840.114</u>

(*) Khoản này bao gồm giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển tại ngày 31/12/2014 và chi phí đã phát sinh để xử lý hàng tồn kho này trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017. Công ty chưa đưa chi phí này vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm vì đang chờ quyết định của Hội đồng Quản trị.

(**) Đây là khoản Công ty phải thu hồi từ các nhà thầu với tổng số tiền là 2.224.000.814 đồng theo yêu cầu tại Báo cáo kiểm toán Dự án Đầu tư và di dời khu vực sản xuất do Kiểm toán Nhà nước phát hành vào tháng 1 năm 2016. Tại ngày 31/12/2017, số tiền còn phải thu hồi là 929.840.793 đồng. Công ty chưa lập dự phòng cho khoản phải thu này vì tin tưởng rằng số tiền phải thu sẽ thu hồi đầy đủ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

8 HÀNG TỒN KHO

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	1.301.132.408	-
Nguyên vật liệu tồn kho	88.456.511.911	-	97.822.983.873	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	634.375.865	-	507.650.216	-
Chi phí SXKD dở dang	21.758.586.182	-	26.305.959.736	-
Thành phẩm tồn kho (*)	82.451.971.555	-	45.470.874.834	-
Hàng hóa	-	-	23.208.193	-
	<u>193.301.445.513</u>	<u>-</u>	<u>171.431.809.260</u>	<u>-</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-
	<u>193.301.445.513</u>		<u>171.431.809.260</u>	

(*) Thành phẩm tồn kho tại ngày 31/12/2017 bao gồm số rượu chậm chuyển với giá trị là 4.639.554.606 đồng Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị có thể thu hồi được sau khi bán số rượu này cao hơn tổng giá trị hàng chậm luân chuyển nói trên cộng các chi phí phát sinh để xử lý số rượu này. Do đó, tại ngày 31/12/2017, Công ty không trích lập dự phòng cho số rượu chậm luân chuyển này.

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	2017 VND	2016 VND
Công cụ, dụng cụ	<u>1.153.144.181</u>	<u>562.329.811</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	2017 VND	2016 VND
Thiết bị văn phòng	3.240.523.095	5.331.170.171
Tiền thuê đất (*)	33.657.827.078	16.185.654.860
	<u>36.898.350.173</u>	<u>21.516.825.031</u>

(*) Đây là khoản tiền thuê lô đất 150.000 m² tại Khu Công nghiệp Yên Phong, Bắc Ninh trong thời hạn 48 năm trên cơ sở Hợp đồng thuê lại đất số 22/2005/CTHT-HĐKT ký ngày 8 tháng 6 năm 2005 giữa Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Công ty với mục đích là xây dựng nhà máy sản xuất còn rượu và Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 669156. Tiền thuê đất được phân bổ đều trong thời hạn thuê đất là 48 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)**(b) Chi phí trả trước dài hạn (tiếp theo)**

Biến động về chi phí trả trước trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	22.079.154.842	20.404.470.544
Tăng	7.028.432.421	15.207.100.893
Chuyển từ công ty con do sáp nhập	80.586.667	-
Phân loại lại từ bất động sản đầu tư (Thuyết minh 11)	17.898.110.502	-
Phân bổ trong năm	(9.034.790.078)	(13.532.416.595)
Số dư cuối năm	<u>38.051.494.354</u>	<u>22.079.154.842</u>

Công ty phân loại tiền thuê đất cho phần đất chưa sử dụng tại Khu Công nghiệp Yên Phong từ Bất động sản đầu tư sang Chi phí trả trước dài hạn do mục đích thuê đất là để xây dựng nhà máy sản xuất còn rượu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	195.527.354.743	508.761.174.802	21.667.412.005	19.168.938.926	745.124.880.476
Mua trong năm	255.158.818	343.957.700	-	-	599.116.518
Chuyển từ công ty con	-	-	-	65.724.741	65.724.741
Thanh lý	-	(1.466.318.771)	(1.238.691.700)	(183.500.000)	(2.888.510.471)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	195.782.513.561	507.638.813.731	20.428.720.305	19.051.163.667	742.901.211.264
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	129.476.062.230	317.013.186.287	15.048.566.115	17.097.861.891	478.635.676.523
Khấu hao trong năm	9.833.597.538	31.403.793.361	773.268.278	859.622.888	42.870.282.065
Chuyển từ công ty con	-	-	-	65.724.741	65.724.741
Thanh lý	-	(1.466.318.771)	(1.238.691.700)	(183.500.000)	(2.888.510.471)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	139.309.659.768	346.950.660.877	14.583.142.693	17.839.709.520	518.683.172.858
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	66.051.292.513	191.747.988.515	6.618.845.890	2.071.077.035	266.489.203.953
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	56.472.853.793	160.688.152.854	5.845.577.612	1.211.454.147	224.218.038.406

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 64.475.010.952 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 67.297.000.000 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**
10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	13.003.200.000	240.879.600	13.244.079.600
Chuyển từ công ty con	-	101.000.000	101.000.000
	<u>13.003.200.000</u>	<u>341.879.600</u>	<u>13.345.079.600</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	13.003.200.000	341.879.600	13.345.079.600
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	-	240.879.600	240.879.600
Chuyển từ công ty con	-	101.000.000	101.000.000
	<u>-</u>	<u>341.879.600</u>	<u>341.879.600</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	341.879.600	341.879.600
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	13.003.200.000	-	13.003.200.000
	<u>13.003.200.000</u>	<u>-</u>	<u>13.003.200.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	13.003.200.000	-	13.003.200.000
	<u>13.003.200.000</u>	<u>-</u>	<u>13.003.200.000</u>

(*) Quyền sử dụng đất liên quan đến thửa đất 2.408 m² tại số B1 Khu Tái định cư Thanh Lộc Đán, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng do công ty sử dụng để xây dựng văn phòng, trên cơ sở Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số H03916 do Ủy ban Nhân dân Quận Thanh Khê Thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất này do thời hạn sử dụng đất là lâu dài.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 341.879.600 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 241.000.000 đồng).

11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tiền thuê đất VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	23.259.481.464
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 9)	(23.259.481.464)
	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	-
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.877.638.242
Khấu hao trong năm	483.732.720
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 9)	(5.361.370.962)
	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	18.381.843.222
	<u>18.381.843.222</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	-
	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2017 VND	2016 VND
Dự án dây chuyền sản xuất cồn khô (*)	1.386.092.537	1.386.092.537
Dự án đầu tư và di dời khu vực sản xuất sang Yên Phong (**)	5.126.339.466	6.363.359.283
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác (***)	923.970.959	52.870.959
	<u>7.436.402.962</u>	<u>7.802.322.779</u>

(*) Dự án dây chuyền sản xuất cồn khô bao gồm máy móc thiết bị để sản xuất cồn khô đã được Công ty lắp đặt và chạy thử vào năm 2012. Tuy nhiên, sau đó Công ty đã dừng các hoạt động sản xuất cồn khô do chất lượng sản phẩm chạy thử không đạt yêu cầu. Công ty chưa phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ vì đang chờ quyết định từ Hội đồng Quản trị về phương án xử lý cho dự án này.

(**) Dự án đầu tư và di dời khu vực sản xuất sang Yên Phong được hoàn thành vào năm 2012. Công ty đang trong quá trình quyết toán dự án và sẽ ghi nhận các chi phí xây dựng cơ bản dở dang này thành tài sản cố định khi hoàn thành báo cáo quyết toán.

(***) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác liên quan đến máy móc thiết bị sản xuất khuôn chai thủy tinh.

13 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	2017 VND	2016 VND
Đầu tư vào Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Rượu Hà Nội	-	10.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	-	(6.705.992.816)
	<u>-</u>	<u>3.294.007.184</u>

Theo Nghị quyết số 827/NQ-HĐQT ngày 25/10/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Rượu Hà Nội, công ty con được giải thể và sáp nhập vào Công ty. Tài sản và công nợ của công ty con tại ngày 24/10/2017 (ngày trước ngày sáp nhập) được chuyển giao cho Công ty. Lỗ từ việc giải thể công ty được trình bày như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017****13 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (TIẾP THEO)**

VND

Vốn chủ sở hữu tại công ty con tại ngày 24/10/2017 (ngày trước ngày Hội đồng Quản trị ra quyết định tiếp tục giải thể công ty con)

1.066.013.456

Trừ:

Đầu tư vào Công ty TNHH MTV TM Rượu Hà Nội

10.000.000.000

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con

(6.705.992.816)

3.294.007.184

Lỗ từ việc đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 28)

(2.227.993.728)**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**2017
VND2016
VNDCông ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura
Hải Phòng

312.950.000

7.776.571.968

Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội

-

1.606.246.309

Công ty Cổ phần Cơ – Điện – Môi trường LILAMA

-

3.786.084.981

Công ty ĐTPT HT Viglacera CN TCT Viglacera

1.303.408.000

1.297.296.000

Công ty Cổ phần Nhựa Bảo Vân

735.244.895

-

Nhà cung cấp khác

2.612.768.919

10.332.061.980

4.964.371.814

24.798.261.238

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**
15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/ phải nộp ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

(a)	Phải thu	Tại ngày	Số phải thu	Điều chỉnh theo	Chuyển từ công ty	Bù trừ với thuế	Số đã thực thu	Điều chỉnh	Tại ngày
		1.1.2017	trong năm	thanh tra thuế(*)	TNHH MTV Thương	phải nộp	trong năm	giảm	31.12.2017
		VND	VND	VND	mại Rượu Hà Nội	VND	VND	VND	VND
	Thuế giá trị gia tăng	279.491.524	8.017.737.215	(643.281.247)	1.019.331.282	(8.259.830.463)	-	-	413.448.311
	Thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	10.198.413.682	-	-	280.425.365	-	(1.961.375)	-	10.476.877.672
	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập	6.823.546.460	1.206.490.877	-	-	-	(7.872.608.225)	-	157.429.112
	Các loại thuế khác	76.874.558	-	-	-	-	-	-	76.874.558
		<u>17.378.326.224</u>	<u>9.224.228.092</u>	<u>(643.281.247)</u>	<u>1.299.756.647</u>	<u>(8.259.830.463)</u>	<u>(7.872.608.225)</u>	<u>(1.961.375)</u>	<u>11.124.629.653</u>
(b)	Phải nộp	Tại ngày	Số phải nộp	Điều chỉnh theo		Bù trừ với thuế	Số đã thực nộp		Tại ngày
		1.1.2017	trong năm	thanh tra thuế		được khấu trừ	trong năm		31.12.2017
		VND	VND	VND		VND	VND		VND
	Thuế giá trị gia tăng	7.400.145.777	19.862.518.050	2.284.354.421		(8.259.830.463)	(18.401.479.057)		2.885.708.728
	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	95.408.535.661	70.580.848.477	676.408.012		-	(90.168.499.510)		76.497.292.640
	Thuế thu nhập cá nhân	308.678.060	721.705.335	-		-	(377.020.697)		653.362.698
	Tiền thuế đất	-	4.217.744.350	-		-	(4.217.744.350)		-
	Thuế tài nguyên	720.840	219.325.080	-		-	(211.143.520)		8.902.400
	Thuế môn bài	-	4.000.000	-		-	(4.000.000)		-
	Thuế nhập khẩu	-	611.069.975	-		-	(611.069.975)		-
		<u>103.118.080.338</u>	<u>96.217.211.267</u>	<u>2.960.762.433</u>		<u>(8.259.830.463)</u>	<u>(113.990.957.109)</u>		<u>80.045.266.466</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**
**15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(TIẾP THEO)**

(*) Điều chỉnh giảm thuế GTGT phải thu, và tăng thuế GTGT phải trả và tăng thuế TTĐB được thực hiện theo các Biên bản thanh tra thuế do Cục thuế Thành phố Hà Nội ban hành ngày 29/5/2017, 9/8/2017 và Biên bản của Kiểm toán Nhà nước số 324/TB-KTNN ngày 9/2/2018.

(**) Do ảnh hưởng của khoản truy thu về thuế tiêu thụ đặc biệt trong các năm 2012 đến năm 2015 dựa trên Báo cáo Kiểm toán Nhà nước tháng 2 năm 2016, Công ty ước tính rằng thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong thời gian nói trên sẽ được giảm trừ. Khoản phải thu về thuế thu nhập doanh nghiệp này sẽ được bù trừ vào thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong các năm tiếp theo. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Chương trình hỗ trợ bán ra cho điểm bán	3.157.950.427	9.173.082.985
Chương trình hỗ trợ thu mua nút chai	784.398.000	170.712.000
Chương trình chiết khấu bán hàng	792.829.829	1.637.833.241
Chi phí vận tải	439.274.257	516.905.600
Chi phí khác	83.000.000	84.677.268
	5.257.452.513	11.583.211.094

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Kinh phí công đoàn	186.137.608	491.108.772
Bảo hiểm xã hội, thất nghiệp và y tế	728.296.770	-
Phụ cấp cho người lao động	1.324.643.957	1.794.029.436
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	116.180.770	38.172.334
	2.355.259.105	2.323.310.542

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2017	2016
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2017		2016	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	10.858.041	54,29	10.858.041	54,29
Streetcar Investment Holding Pte.Ltd	9.113.513	45,57	9.113.513	45,57
Cổ đông cá nhân khác	28.446	0,14	28.446	0,14
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	100,00	20.000.000	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	20.000.000	200.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	20.000.000	200.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	20.000.000	200.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÓN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

119 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ sau thuế lũy kế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	2200.000.000.000	112.920.000	612.480.582.279	((189.921.598.641))	663.577.943.638
Lỗi trong năm	--	--	--	(20.182.339.222)	((20.182.339.222))
Tích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	--	--	--	((1232.235.120))	((1232.235.120))
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	2200.000.000.000	112.920.000	612.480.582.279	((170.336.122.983))	642.157.369.296
Lỗi trong năm	--	--	--	(84.527.968.161)	((84.527.968.161))
Chuyển từ công ty con do sáp nhập	--	--	1.000.000.000	--	1.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	200.000.000.000	12.920.000	613.480.582.279	(254.864.101.144)	558.629.401.135

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**
20 NGUỒN KINH PHÍ

Biến động về nguồn kinh phí trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Nguồn kinh phí chưa sử dụng đầu năm	626.793.750	-
Cấp thêm nguồn kinh phí	960.000.000	1.250.000.000
Sử dụng kinh phí	(523.628.000)	(623.206.250)
Nguồn kinh phí chưa sử dụng cuối năm	<u>1.063.165.750</u>	<u>626.793.750</u>

Đây là nguồn kinh phí được Bộ Công Thương cấp cho Công ty để thực hiện Dự án “Sản xuất cồn thực phẩm ở nồng độ chất khô cao từ gạo và sản quy mô 2.000 lít/mẻ” trong thời gian từ 19 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở Hợp đồng số 02/HĐ-SXTN.02.16/CNSHCB ký ngày 19 tháng 1 năm 2016 giữa Công ty và Bộ Công Thương. Nguồn kinh phí sẽ được hai bên tất toán khi dự án hoàn thành và được nghiệm thu.

21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 72.842 Đô la Mỹ và 1.545 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 46.932 Đô la Mỹ và 1.648 Euro).

22 DOANH THU THUẦN

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	123.569.649.183	270.318.651.990
Doanh thu cho thuê kho	2.857.551.298	2.933.261.459
	<u>126.427.200.481</u>	<u>273.251.913.449</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	996.514.466	-
Hàng bán bị trả lại	-	2.988.590.700
	<u>996.514.466</u>	<u>2.988.590.700</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	122.573.134.717	267.330.061.290
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	2.857.551.298	2.933.261.459
	<u>125.430.686.015</u>	<u>270.263.322.749</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	110.401.740.742	201.845.552.439
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	191.388.440	1.319.083.219
	<u>110.593.129.182</u>	<u>203.164.635.658</u>

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.006.051.840	10.356.056.092
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	27.874.207	365.864.041
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	1.404.218	36.495.112
	<u>8.035.330.265</u>	<u>10.758.415.245</u>

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	-	5.473.757.696
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	22.045.708	346.022.033
Lãi tiền vay	6.017.944	128.068.238
	<u>28.063.652</u>	<u>5.947.847.967</u>

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	27.778.452.818	18.327.322.079
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.585.384.548	5.746.406.868
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.478.481.778	1.638.983.976
Chi phí hỗ trợ điểm bán	18.453.609.729	20.545.999.249
Chi phí vận chuyển	4.010.119.497	3.209.309.113
Chi phí giới thiệu sản phẩm	1.817.230.314	2.530.853.000
Chi phí xuất nội bộ giới thiệu sản phẩm	5.505.965.120	3.722.076.218
Chi phí khác	5.398.661.919	4.805.932.482
	<u>69.027.905.723</u>	<u>60.526.882.985</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**
27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lương và phụ cấp cho nhân viên	14.399.931.333	14.537.892.745
Chi phí ngày lễ tết cho nhân viên	4.166.137.500	938.900.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.793.193.650	2.071.440.955
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	420.159.920	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.428.020.911	1.650.799.115
Chi phí thuê đất	4.158.601.133	3.991.677.683
Chi phí tiếp khách	2.458.129.313	1.937.752.912
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.062.882.686	2.074.116.587
Chi phí khác	5.772.189.789	5.251.593.245
	<u>38.659.246.235</u>	<u>32.454.173.742</u>

28 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.501.628.875	355.454.545
Khác	111.791.236	954.675.000
	<u>3.613.420.111</u>	<u>1.310.129.545</u>
Chi phí khác		
Lỗ do sáp nhập công ty con (Thuyết minh 13)	2.227.993.728	-
Các khoản truy thu và phạt thuế (*)	969.912.394	392.472.880
Khác	101.153.638	28.193.529
	<u>3.299.059.760</u>	<u>420.666.409</u>
	<u>314.360.351</u>	<u>889.463.136</u>

(*) Khoản này chủ yếu bao gồm khoản phạt thuế theo Quyết định số 54688/QĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Cục thuế Thành phố Hà Nội và truy thu thuế Thông báo kết quả kiểm toán số 324/TB-KTNN ngày 9 tháng 2 năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2017 VND	2016 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(84.527.968.161)	(20.182.339.222)
Thuế tính ở thuế suất 20%	(16.905.593.632)	(4.036.467.844)
Điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	1.952.560.384	153.396.621
- Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14.953.033.248	3.883.071.223
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	-

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc và sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.266.265.869	128.968.973.876
Chi phí lương, thưởng, phụ cấp cho nhân viên	65.828.747.745	43.179.162.847
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.870.282.065	65.173.623.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.990.610.583	16.029.176.168
Chi phí khác	44.734.889.852	55.868.515.833
	<u>250.690.796.114</u>	<u>309.219.452.426</u>

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2017 VND	2016 VND
i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ		
Diageo Brands BV	-	28.573.885.014
Công ty TNHH MTV Thương Mại Habeco	594.000.000	264.000.000
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương	-	101.927.678
Công ty TNHH MTV Thương mại Rượu Hà Nội	-	24.821.320.797
	<u>594.000.000</u>	<u>53.761.133.489</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công Ty TNHH MTV Thương Mại Habeco	-	83.853.550
Diageo Brands BV	-	4.857.739.491
	-	4.941.593.041
iii) Trả hộ tiền phạt và truy thu thuế		
Công ty TNHH MTV Thương mại Rượu Hà Nội	1.584.712.481	-
iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt	258.400.000	202.400.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2017 VND	2016 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)		
Diageo Brands BV	-	3.503.096.832
ii) Phải thu ngắn hạn khác		
Diageo Brands BV	-	2.000.000
iii) Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	-	20.700.000
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Phòng	18.000.000	-
	18.000.000	20.700.000

32 NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 16 tháng 5 năm 2016, Công ty và Công ty Cổ phần Nghe nhìn Thăng Long (“Công ty Thăng Long AV”) đã ký một hợp đồng truyền thông. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cho rằng Công ty Thăng Long AV đã vi phạm các nghĩa vụ trên hợp đồng và đã khởi kiện công ty này ra Tòa án Nhân dân Ba Đình vào tháng 10 năm 2017. Ngày 8 tháng 1 năm 2018, Công ty Thăng Long AV đã nộp đơn phản tố và đề nghị Công ty phải trả thêm cho Công ty Thăng Long AV số tiền là 243.128.000 đồng. Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện của Công ty và yêu cầu phản tố của công ty Thăng Long AV nhưng chưa xét xử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 21 tháng 03 năm 2018.



Đỗ Thành Luân
Người lập



Nguyễn Như Khuê
Kế toán trưởng



Trần Hậu Cường
Phó Giám đốc phụ trách
Chữ ký được ủy quyền